



ĐIỀU LỆ
TỔNG CÔNG TY MAY 10-
CÔNG TY CỔ PHẦN

Hà nội, tháng 5 năm 2025

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
TỔNG CÔNG TY MAY 10 - CÔNG TY CỔ PHẦN

PHẦN MỞ ĐẦU

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số: 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020;
- Luật Chứng khoán số: 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2019;
- Quyết định số: 105/2004/QĐ-BCN ngày 05 tháng 10 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc chuyển Công ty May 10 thành Công ty cổ phần May 10;
- Căn cứ Điều lệ Tổng công ty May 10 - Công ty cổ phần đã được Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty May 10 thông qua ngày 15 tháng 04 năm 2023;
- Căn cứ Nghị quyết số 585/NQ-ĐHĐCĐ2025 ngày 31/5/2025 của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty May 10 - CTCP;

Chúng tôi, những cổ đông Tổng công ty nhất trí thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung bản Điều lệ đã được thông qua hợp lệ theo Nghị quyết số 585/NQ-ĐHĐCĐ2025 của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty May 10 – CTCP ngày 31/5/2025 và cùng cam kết thực hiện những quy định trong bản Điều lệ. Bản Điều lệ này sẽ chi phối toàn bộ hoạt động của Tổng công ty May 10 - Công ty cổ phần.



CHƯƠNG I

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa

1. Trong điều lệ này những từ ngữ sau đây sẽ được hiểu như sau:
 - 1.1 “Tổng công ty” có nghĩa là Tổng công ty May 10 - Công ty cổ phần.
 - 1.2 “Đại hội đồng cổ đông” có nghĩa là Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty.
 - 1.3 “Hội đồng quản trị” có nghĩa là Hội đồng quản trị Tổng công ty.
 - 1.4 “Địa bàn kinh doanh” có nghĩa là lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài.
 - 1.5 “Vốn điều lệ” là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 5 Điều lệ này.
 - 1.6 “Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành, các văn bản sửa đổi bổ sung vào từng thời điểm.
 - 1.7 “Ngày thành lập” có nghĩa là ngày Tổng công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu.
 - 1.8 “Văn bản pháp luật” là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Điều 2 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số: 64/2025/QH15 ngày 19/02/2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành, các văn bản sửa đổi bổ sung vào từng thời điểm.
 - 1.9 “Người quản lý doanh nghiệp” là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Tổng công ty ký kết giao dịch của Tổng công ty.
 - 1.10 “Những người liên quan” có nghĩa là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định trong khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp 2020, khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán 2019.
 - 1.11 “Cổ đông” có nghĩa là mọi cá nhân hay pháp nhân được ghi tên trong sổ đăng ký cổ đông của Tổng công ty với tư cách là người sở hữu ít nhất một (01) cổ phần.
 - 1.12 “Thời hạn” có nghĩa là thời hạn hoạt động của Tổng công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và mọi thời gian gia hạn (nếu có) được thông qua bằng một nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
 - 1.13 “Việt Nam” có nghĩa là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
 - 1.14. Người điều hành doanh nghiệp là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc điều hành, Kế toán trưởng và người điều hành khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
 - 1.15. “Người có quan hệ gia đình” có nghĩa là bất kỳ cá nhân nào được quy định tại Khoản 22, Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2020.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế của chúng.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng đến nội dung của Điều lệ này.
4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không có mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

CHƯƠNG II

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Tổng công ty

1. Tên Tổng công ty:

Tên chính thức của Tổng công ty bằng tiếng Việt:

TỔNG CÔNG TY MAY 10 - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tên giao dịch: **Tổng công ty May 10**

Tên chính thức của Tổng công ty bằng tiếng Anh:

GARMENT 10 CORPORATION - JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt bằng tiếng Anh: **GARCO 10., JSC**

2. Loại hình hoạt động: Là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Tổng công ty:

Địa chỉ: 765A Nguyễn Văn Linh, Phường Phúc Lợi,
quận Long Biên, Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại : 84-24-38276923

Fax: 84-24-38276925

E-mail: ctmay10@garco10.com.vn

Website: www.garco10.com.vn

Logo của Tổng công ty:



4. Tổng công ty có thể thành lập chi nhánh, đơn vị trực thuộc và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu của Tổng công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

6. Căn cứ vào tình hình hoạt động thực tế, Tổng công ty có thể thay đổi trụ sở theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và thực hiện các thủ tục về việc thay đổi trụ sở Tổng công ty theo quy định của pháp luật.
7. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 61 hoặc thay đổi thời gian hoạt động theo Khoản 2 Điều 29 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Tổng công ty sẽ là vô thời hạn kể từ ngày cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Tổng công ty có 01 người đại diện theo pháp luật. Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty.
2. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp có các quyền và nghĩa vụ theo chức danh đảm nhận quy định tại Điều lệ này và theo quy định của pháp luật.
3. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp có trách nhiệm sau đây:
 - a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp;
 - b) Trung thành với lợi ích của doanh nghiệp; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của doanh nghiệp để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho doanh nghiệp về doanh nghiệp mà mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của Luật này.
4. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chịu trách nhiệm cá nhân đối với thiệt hại cho doanh nghiệp do vi phạm trách nhiệm quy định tại khoản 3 Điều này.

CHƯƠNG III

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu của Tổng công ty

1. Lĩnh vực kinh doanh của Tổng công ty là:
 - 1.1. Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh.
Chi tiết: Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da.
 - 1.2. Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa.
 - 1.3. Trồng cây lâu năm khác
Chi tiết: Trồng cây cảnh.
 - 1.4. Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò
Chi tiết: Chăn nuôi trâu, bò.

- 1.5. Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa
Chi tiết: Chăn nuôi ngựa, lừa, la.
- 1.6. Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai
Chi tiết: Chăn nuôi dê, cừu
- 1.7. Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn
Chi tiết: Chăn nuôi lợn.
- 1.8. Chăn nuôi gia cầm.
- 1.9. Nuôi trồng thủy sản nội địa.
- 1.10. Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt.
- 1.11. Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.
- 1.12. Chế biến và bảo quản rau quả.
- 1.13. Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật.
- 1.14. Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa.
- 1.15. Xay xát và sản xuất bột thô.
- 1.16. Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột.
- 1.17. Sản xuất các loại bánh từ bột.
- 1.18. Sản xuất đường.
- 1.19. Sản xuất cacao, socola và bánh kẹo.
- 1.20. Sản xuất mỳ ống, mỳ sợi và các sản phẩm tương tự.
- 1.21. Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn.
- 1.22. Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu:
 - Rang và lọc cà phê;
 - Sản xuất các sản phẩm cà phê như: cà phê hoà tan, cà phê lọc, chiết xuất cà phê và cà phê cô đặc;
 - Sản xuất các chất thay thế cà phê;
 - Trộn chè và chất phụ gia;
 - Sản xuất chiết suất và chế phẩm từ chè hoặc đồ pha kèm;
 - Sản xuất súp và nước xuyết;
 - Sản xuất thực phẩm đặc biệt như: đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ, thực phẩm có chứa thành phần hoóc môn;
 - Sản xuất gia vị, nước chấm, nước sốt như sốt madonnê, bột mù tạc và mù tạc;
 - Sản xuất giấm;
 - Sản xuất mật ong nhân tạo và kẹo;

- Sản xuất thực phẩm chế biến sẵn dễ hỏng như: bánh sandwich, bánh pizza.
 - Sản xuất các loại trà dược thảo (bạc hà, cỏ roi ngựa, cúc la mã);
 - Sản xuất men bia;
 - Sản xuất nước cốt và nước ép từ thịt, cá, tôm, cua, động vật thân mềm;
 - Sản xuất sữa tách bơ và bơ;
 - Sản xuất các sản phẩm trứng, albumin trứng;
 - Sản xuất muối thanh từ muối mua, bao gồm muối trộn i ốt;
 - Sản xuất các sản phẩm cô đặc nhân tạo;
 - Gia công, sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy hải sản (sơ chế); đóng gói thực phẩm tươi, thực phẩm sơ chế, thực phẩm khô, bánh mứt các loại;
- 1.23. Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản.
- 1.24. Đại lý ô tô và xe có động cơ khác:
- Đại lý ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
 - Ô tô chở khách loại trên 12 chỗ ngồi, kể cả loại chuyên dụng như xe cứu thương, xe chở tù, xe tang lễ;
 - Ô tô vận tải, kể cả loại chuyên dụng như xe bồn, xe đông lạnh; rơ-moóc và bán rơ-moóc;
 - Ô tô chuyên dụng: xe bồn, xe cứu hộ, xe cứu hỏa, xe chở rác, xe quét đường, xe phun tưới, xe trộn bê tông, xe chiếu chụp X-quang...
- 1.25. Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác .
- 1.26. Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ.
Chi tiết: Bán buôn gạo.
- 1.27. Bán buôn thực phẩm.
- 1.28. Bán buôn đồ uống.
- 1.29. Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ dược phẩm).
- 1.30. Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm.
- 1.31. Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông.
- 1.32. Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp.
Chi tiết: kinh doanh siêu thị.
- 1.33. Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh.
- 1.34. Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh.
- 1.35. Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh
- 1.36. Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh.
Chi tiết: Bán lẻ sản phẩm thuốc lá nội, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên

doanh;

- 1.37. Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh.
- 1.38. Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh.
- 1.39. Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh:
 - Bán lẻ giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;
 - Bán lẻ đèn và bộ đèn;
 - Bán lẻ dụng cụ gia đình và dao kéo, dụng cụ cắt gọt; hàng gốm, sứ, hàng thủy tinh;
 - Bán lẻ sản phẩm bằng gỗ, lie, hàng đan lát bằng tre, song, mây và vật liệu tết bện;
 - Bán lẻ thiết bị gia dụng;
 - Bán lẻ nhạc cụ;
 - Bán lẻ thiết bị hệ thống an ninh như thiết bị khoá, kết sắt...không đi kèm dịch vụ lắp đặt hoặc bảo dưỡng;
- 1.40. Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh.
- 1.41. Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh.
- 1.42. Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh.
- 1.43. Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh.
(trừ các loại đồ chơi có hại cho sự giáo dục, phát triển nhân cách và sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh trật tự, an toàn xã hội).
- 1.44. Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet.
- 1.45. Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển.
Chi tiết:
 - Cho thuê máy móc và thiết bị xây dựng và kỹ thuật dân dụng không kèm người điều khiển;
 - Cho thuê máy móc và thiết bị văn phòng không kèm người điều khiển;
 - Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác chưa phân vào đâu được sử dụng như hàng hóa trong kinh doanh.
- 1.46. Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ.

1.47. May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú).

Chi tiết: Sản xuất các loại quần áo.

1.48. Sản xuất khác chưa được phân vào đâu

Chi tiết:

- Sản xuất phụ liệu ngành may;
- Sản xuất nguyên liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng, phụ liệu, hoá chất (Trừ hoá chất Nhà nước cấm), thuốc nhuộm và các sản phẩm cuối cùng của ngành dệt, may;
- Sản xuất nguyên liệu bông xơ; nguyên phụ liệu, bao bì cho sản xuất và chế biến bông;
- Sản xuất chế phẩm sinh học phục vụ ngành nông lâm nghiệp (Không bao gồm thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y), chế biến nông lâm sản;
- Sản xuất khẩu trang y tế, bộ quần áo bảo hộ y tế

1.49. Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu.

Chi tiết:

- Kinh doanh các mặt hàng thủ công mỹ nghệ, công nghiệp thực phẩm và công nghiệp tiêu dùng khác;
- Mua bán nguyên liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng, phụ liệu, hoá chất (Trừ hoá chất Nhà nước cấm), thuốc nhuộm và các sản phẩm cuối cùng của ngành dệt, may;
- Mua bán nguyên liệu bông xơ; nguyên phụ liệu, bao bì cho sản xuất và chế biến bông;
- Kinh doanh: hàng dệt may, thiết bị phụ tùng ngành dệt may; phụ liệu, hoá chất, thuốc nhuộm; hàng công nghệ thực phẩm nông, lâm, hải sản; thủ công mỹ nghệ; ô tô, xe máy; thiết bị âm thanh, ánh sáng; thiết bị tạo mẫu thời trang; phương tiện vận tải, vật liệu điện, điện tử, phần mềm và thiết bị tin học, cao su; nước uống dinh dưỡng và mỹ phẩm các loại; phụ tùng, máy móc, thiết bị phục vụ công nghiệp; dụng cụ quang học, hệ thống kiểm tra đo lường phục vụ công tác thí nghiệm, phế liệu và thành phẩm sắt, thép và kim loại màu; kinh doanh quần áo và trang thiết bị bảo hộ lao động;
- Mua bán vật tư công nghiệp, bia, rượu, thuốc lá nội các loại.

1.50. Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Chi tiết:

- Kinh doanh văn phòng, bất động sản, nhà ở cho công nhân;
- Cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh (kiốt, trung tâm thương mại); cho thuê kho, bãi đậu xe;

- Kinh doanh bất động sản: kinh doanh phát triển nhà, khu công nghiệp, đô thị; cho thuê nhà xưởng, nhà ở, văn phòng;
- 1.51. Đào tạo trung cấp:
Chi tiết: Đào tạo nghề;
- 1.52. Đào tạo sơ cấp
Chi tiết: Đào tạo nghề
- 1.53. Đào tạo cao đẳng:
Chi tiết: Đào tạo nghề
- 1.54. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu.
Chi tiết:
 - Xuất nhập khẩu trực tiếp;
 - Xuất nhập khẩu: hàng dệt may, thiết bị phụ tùng ngành dệt may; phụ liệu, hoá chất, thuốc nhuộm; hàng công nghệ thực phẩm nông, lâm, hải sản; thủ công mỹ nghệ; ô tô, xe máy; thiết bị âm thanh, ánh sáng; thiết bị tạo mẫu thời trang; phương tiện vận tải, vật liệu điện, điện tử, phần mềm và thiết bị tin học, cao su; nước uống dinh dưỡng và mỹ phẩm các loại; phụ tùng, máy móc, thiết bị phục vụ công nghiệp; dụng cụ quang học, hệ thống kiểm tra đo lường phục vụ công tác thí nghiệm, phế liệu và thành phẩm sắt, thép và kim loại màu; kinh doanh quần áo và trang thiết bị bảo hộ lao động;
- 1.55. Giáo dục nhà trẻ
Chi tiết: Giáo dục mầm non, chăm sóc và nuôi dạy trẻ.
- 1.56. Giáo dục mẫu giáo
Chi tiết: Giáo dục mầm non, chăm sóc và nuôi dạy trẻ.
- 1.57. Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép.
Chi tiết: Kinh doanh hàng dệt may gồm các chủng loại xơ, sợi, vải, hàng may mặc, dệt kim, chỉ khâu, khăn bông, len, thảm, dây tơ, tơ tằm, vải tơ tằm, vải kỹ thuật, vải không dệt, vải trang trí nội thất;
- 1.58. Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu.
Chi tiết:
 - Dịch vụ kỹ thuật các loại giống cây trồng, phân bón và vật tư nông nghiệp khác (trừ thuốc bảo vệ thực vật);
 - Tư vấn quy trình công nghệ, bố trí máy móc thiết bị cho ngành công nghiệp dân dụng; tư vấn lập các dự án đầu tư trong lĩnh vực dệt may, môi trường; tư vấn, kiểm tra, đánh giá hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kỹ thuật, thương mại và môi trường; tư vấn, chế tạo thiết bị, linh kiện và lắp đặt hệ thống điện công nghiệp, hệ thống cầu, thang nâng hạ, thang máy; sản xuất, mua bán sửa chữa,

lắp đặt các sản phẩm cơ khí và máy móc thiết bị công nghiệp; thực hiện các dịch vụ thương mại và công việc có tính chất công nghiệp; giám định, kiểm tra chất lượng nguyên phụ liệu, hoá chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm dệt may; dịch vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực dệt may; đào tạo nghề dệt, may công nghiệp, nghề cơ khí; uỷ thác mua bán xăng dầu;

- Môi giới thương mại và đại diện thương nhân.

1.59. Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống.

Chi tiết: Kinh doanh các loại giống cây trồng, phân bón và vật tư nông nghiệp khác (trừ thuốc bảo vệ thực vật).

1.60. Kiểm tra và phân tích kỹ thuật.

Chi tiết:

- Kiểm nghiệm giống bông, giống cây trồng, chất lượng bông xơ.

- Kiểm tra, thử nghiệm cơ, lý, hóa, sinh các sản phẩm dệt may, da giày, giấy, đồ chơi, polime, kim loại, các sản phẩm tiêu dùng khác;

- Kiểm định, hiệu chuẩn các thiết bị đo lường;

- Giám định, chứng nhận các sản phẩm dệt may, da giày, đồ chơi, polime, các sản phẩm tiêu dùng khác;

- Phân tích lỗi;

- Kiểm tra và đo lường các chỉ số môi trường: ô nhiễm không khí và nước...

1.61. Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

Chi tiết:

- Xây dựng nhà phục vụ các mục đích kinh doanh (kiốt, trung tâm thương mại);

- Xây dựng dân dụng công nghiệp.

1.62. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ.

Chi tiết: Dịch vụ trông giữ xe.

1.63. Lắp đặt hệ thống điện.

Chi tiết: Thi công, lắp đặt hệ thống điện dân dụng, điện lạnh, công nghiệp.

1.64. Kho bãi và lưu giữ hàng hoá.

Chi tiết: Kinh doanh kho vận, kho ngoại quan.

1.65. Điều hành tua du lịch.

Chi tiết:

- Lữ hành nội địa, quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);

- Dịch vụ lữ hành nội địa;



- 1.66. Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí.
Chi tiết: Dịch vụ vui chơi giải trí,
- 1.67. Hoạt động của các cơ sở thể thao.
Chi tiết: Dịch vụ thể dục thể thao.
- 1.68. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.....
Chi tiết:
- Đại lý bán vé máy bay.
- Dịch vụ Logistics.
- Dịch vụ đại lý làm thủ tục hải quan.
- 1.69. Hoạt động viễn thông khác.
Chi tiết: Đại lý dịch vụ bưu chính viễn thông.
- 1.70. Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại.
Chi tiết:
- Tổ chức hội chợ triển lãm, biểu diễn thời trang trong và ngoài nước;
- Tổ chức hội nghị, hội thảo, sự kiện;
- Xúc tiến thương mại.
- 1.71. In ấn.
- 1.72. Dịch vụ liên quan đến in.
- 1.73. Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa
Chi tiết:
- Đại lý phát hành các xuất bản phẩm được phép lưu hành.
- Đại lý bán hàng hóa
- 1.74. Quảng cáo.
Chi tiết: Quảng cáo thương mại.
- 1.75. Hoạt động thiết kế chuyên dụng.
Chi tiết:
- Thiết kế panô, bảng hiệu; trang trí nội ngoại thất.
- Thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giày, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác, hàng hóa thời trang khác cũng như đồ dùng cá nhân và gia đình khác;
- Tư vấn thiết kế thời trang.
- 1.76. Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu.

Chi tiết: Dịch vụ cung cấp thông tin thị trường (trừ thông tin nhà nước cấm).

- 1.77. Dịch vụ lưu trú ngắn ngày.

Chi tiết: Kinh doanh khách sạn.

- 1.78. Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động.

Chi tiết: Kinh doanh nhà hàng, dịch vụ ăn uống giải khát (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);

- 1.79. Vận tải hành khách đường bộ khác.

Chi tiết: vận chuyển hành khách bằng ô tô.

- 1.80. Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

Chi tiết: Vận tải hàng hoá.

- 1.81. Hoạt động của phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.

Chi tiết: Phòng khám đa khoa

- 1.82. Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh.

Chi tiết:

- Bán lẻ xe đạp, xe đạp điện;
- Bán lẻ phụ tùng xe đạp;
- Bán lẻ hoa tươi, cây cảnh, hạt giống, phân bón.

- 1.83. Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu.

Chi tiết: Tư vấn đầu tư.

- 1.84. Bán mô tô, xe máy.

Chi tiết: Bán buôn, bán lẻ và đại lý mô tô, xe máy.

- 1.85. Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng.

Chi tiết: Sản xuất vật tư y tế tiêu hao, sản xuất trang thiết bị y tế.

- 1.86. Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.

Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế.

- 1.87. Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh.

Chi tiết: Bán lẻ dụng cụ, thiết bị y tế và chỉnh hình.

- 1.88. Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu.

Chi tiết: Sản xuất băng gạc, đồ chèn lót, chỉ sinh học, đồ băng bó.

- 1.89. Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da

Chi tiết: Sản xuất máy móc ngành dệt, may

- 1.90. Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa



- Chi tiết: Sản xuất bao bì bằng giấy, bìa
- 1.91. Sản xuất sản phẩm từ plastic
Chi tiết: Sản xuất bao bì từ plastic
- 1.92. Hoàn thiện sản phẩm dệt
Chi tiết: Dịch vụ giặt, in, nhuộm
- 1.93. Xây dựng nhà để ở
- 1.94. Xây dựng nhà không để ở
- 1.95. Phá dỡ
(Trừ hoạt động dò, nổ mìn và các loại tương tự)
- 1.96. Chuẩn bị mặt bằng
(Trừ hoạt động dò, nổ mìn và các loại tương tự)
- 1.97. Hoàn thiện công trình xây dựng
- 1.98. Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí
- 1.99. Lắp đặt hệ thống xây dựng khác
Chi tiết: Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như: Các loại cửa tự động, hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống âm thanh
- 1.100 Hoạt động tư vấn quản lý
Chi tiết:
- Tư vấn đấu thầu; tư vấn quản lý dự án;
- Tư vấn lập, đánh giá báo cáo quy hoạch, tổng sơ đồ phát triển, kiến trúc;
- Tư vấn khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật.
- 1.101 Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan
Chi tiết:
- Lập thiết kế quy hoạch xây dựng;
- Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng;
- Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Thi công xây dựng công trình;
- Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình;
- Dịch vụ kiến trúc;
- Quản lý chi phí đầu tư xây dựng.
- Thiết kế, thẩm tra thiết kế sơ bộ được lập trong Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đầu tư xây dựng;
- Tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm định, tư vấn giám sát, thi công về phòng cháy

chữa cháy

- 1.102 Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ
- 1.103 Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đầu Chi tiết: Tư vấn về chuyển giao công nghệ.
- 1.104 Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao)
Chi tiết: Dịch vụ tắm hơi, massage, tắm nắng, thẩm mỹ không dùng phẫu thuật.
- 1.105 Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú
- 1.106 Cắt tóc, làm đầu, gội đầu
- 1.107 Xuất bản phần mềm
(không bao gồm hoạt động: nhà xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử)
- 1.108 Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan
2. Mục tiêu của Tổng công ty:
 - 2.1. Trở thành tập đoàn kinh tế mạnh hoạt động kinh doanh ở nhiều lĩnh vực;
 - 2.2. Khẳng định thương hiệu mạnh ở trong nước, khu vực và trên thế giới;
Các mục tiêu khác có thể được bổ sung trong quá trình hoạt động của Tổng công ty phù hợp với quy định của pháp luật và nội dung Điều lệ này.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Tổng công ty được phép thực hiện các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Tổng công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Tổng công ty.
2. Tổng công ty có thể tiến hành những hình thức kinh doanh khác được pháp luật cho phép mà Hội đồng quản trị xét thấy có lợi nhất cho Tổng công ty.
3. Các cổ đông của Tổng công ty cùng góp vốn, cùng chia lợi nhuận, cùng chịu lỗ tương ứng với phần vốn góp và chỉ chịu trách nhiệm về khoản nợ của Tổng công ty trong phần vốn góp vào Tổng công ty.

CHƯƠNG IV

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Tất cả các cổ phần do Tổng công ty phát hành đều là cổ phần phổ thông.
Tổng công ty có thể phát hành các loại cổ phần khác và các quyền kèm theo để huy động vốn cho phát triển sản xuất kinh doanh sau khi được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

2. Vốn điều lệ của Tổng công ty là: 317.510.000.000 đồng (Ba trăm mười bảy tỷ năm trăm mười triệu đồng Việt Nam).
Tổng số vốn điều lệ của Tổng công ty được chia thành 31.751.000 (Ba mươi một triệu bảy trăm năm mươi một nghìn) cổ phần với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phần (mười nghìn đồng/một cổ phần)
3. Trong quá trình hoạt động Tổng công ty có thể tiếp tục tăng vốn điều lệ theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông với vốn góp bằng tiền, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng hoặc tài sản khác theo quy định của pháp luật. Cổ phần phổ thông mới dự kiến được phát hành sẽ được ưu tiên chào bán cho các cổ đông theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Tổng công ty. Tổng công ty phải thông báo việc chào bán, trong đó nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn hợp lý không ít hơn mười lăm (15) ngày để cổ đông đặt mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng, theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán.
4. Trường hợp tăng vốn điều lệ do phát hành cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi thì không làm phát sinh tăng giá trị cổ phiếu của các cổ đông hiện hữu (trừ khi họ cũng mua thêm cổ phiếu hoặc trái phiếu chuyển đổi khi đã được chuyển đổi). Trong trường hợp này, các cổ đông mới hoặc các cổ đông hiện hữu có mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi khi đã được chuyển đổi sở hữu số cổ phần tăng thêm do tăng thêm vốn. Khi phát hành trái phiếu chuyển đổi để tăng vốn điều lệ thì vốn điều lệ chỉ được phép tăng kể từ khi trái phiếu được chuyển đổi thành cổ phiếu.
5. Việc tiếp tục tăng hay giảm vốn điều lệ do Đại hội đồng cổ đông quyết định và phải thông báo với cơ quan đăng ký kinh doanh.
6. Vốn điều lệ chỉ sử dụng cho hoạt động kinh doanh, không sử dụng chia cho các Cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào (trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác).
7. Tổng công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
8. Tổng công ty có thể mua cổ phần do chính Tổng công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Tổng công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Luật Chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và Điều lệ này.

9. Tổng công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
10. Tuỳ thuộc vào tình hình hoạt động, Tổng công ty có thể huy động các loại vốn khác theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Tổng công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
Cổ phiếu là chứng chỉ do Tổng công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Tổng công ty.
Tổng công ty có thể phát hành Sổ chứng nhận sở hữu cổ phần có xác nhận số cổ phần của cổ đông sở hữu thay cho các cổ phiếu.
2. Cổ phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - 2.1. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của Tổng công ty;
 - 2.2. Số lượng cổ phần và loại cổ phần;
 - 2.3. Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;
 - 2.4. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
 - 2.5. Chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Tổng công ty;
 - 2.6. Số đăng ký tại sổ đăng ký cổ đông của Tổng công ty và ngày phát hành cổ phiếu;
 - 2.7. Các nội dung khác theo quy định tại các Điều 116, 117 và 118 của Luật doanh nghiệp đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi.
3. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Tổng công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật Tổng công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.
4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì cổ đông được Tổng công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó.
Đề nghị của cổ đông phải có các nội dung sau đây:
 - 4.1. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
 - 4.2. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Sổ đăng ký cổ đông

1. Tổng công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.
2. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - 2.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính của Tổng công ty;
 - 2.2. Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - 2.3. Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
 - 2.4. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
 - 2.5. Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.
3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty hoặc các tổ chức khác có chức năng lưu giữ sổ đăng ký cổ đông. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông tại sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của Tổng công ty.
4. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với Tổng công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Tổng công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.

Điều 9. Chào bán cổ phần

1. Chào bán cổ phần là việc Tổng công ty tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán các cổ phần đó trong quá trình hoạt động để tăng vốn điều lệ.
2. Chào bán cổ phần có thể thực hiện theo một trong các hình thức sau đây:
 - 2.1. Chào bán cho các cổ đông hiện hữu;
 - 2.2. Chào bán ra công chúng;
 - 2.3. Chào bán cổ phần riêng lẻ.
3. Việc chào bán cổ phần của Tổng công ty được thực hiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán.
4. Tổng công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày hoàn thành đợt bán cổ phần.

Điều 10. Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu

1. Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu là trường hợp Tổng công ty tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán toàn bộ số cổ phần đó cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại Tổng công ty.

2. Trường hợp số lượng cổ phần dự kiến chào bán không được cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết thì Hội đồng quản trị có quyền bán số cổ phần được quyền chào bán còn lại đó cho cổ đông của Tổng công ty hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc pháp luật về chứng khoán có quy định khác.
3. Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua quy định tại khoản 2 Điều 8 của Điều lệ này được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của Tổng công ty.
4. Sau khi cổ phần được thanh toán đầy đủ, Tổng công ty phải phát hành và trao cổ phiếu cho người mua. Tổng công ty có thể bán cổ phần mà không trao cổ phiếu. Trường hợp này, các thông tin về cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 8 của Điều lệ này được ghi vào sổ đăng ký cổ đông để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong Tổng công ty.

Điều 11. Bán cổ phần

Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần. Giá bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:

1. Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập;
2. Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Tổng công ty;
3. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Phát hành trái phiếu

1. Tổng công ty có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.
2. Tổng công ty không thanh toán đủ cả gốc và lãi của trái phiếu đã phát hành, không thanh toán hoặc thanh toán không đủ các khoản nợ đến hạn trong ba (03) năm liên tiếp trước đó sẽ không được quyền phát hành trái phiếu, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.
3. Việc phát hành trái phiếu cho các chủ nợ là tổ chức tài chính được lựa chọn không bị hạn chế bởi quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Trừ việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền, Hội đồng quản trị có quyền quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành các loại trái phiếu, nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất. Báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ giải trình nghị quyết của Hội đồng quản trị về phát hành trái phiếu.
5. Trường hợp Tổng công ty phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phần thì thực hiện theo trình tự, thủ tục tương ứng chào bán cổ phần theo quy định của Luật doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan. Tổng công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày hoàn thành việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phần.

Điều 13. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120 của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty có quy định hạn chế chuyển nhượng cổ phần.
2. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng theo cách thông thường hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Trường hợp chuyển nhượng thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán, trình tự, thủ tục và việc ghi nhận sở hữu thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.
3. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó là cổ đông của Tổng công ty.
Cổ phần của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và những người quản lý khác cũng được thừa kế nhưng người được thừa kế quyền sở hữu cổ phiếu không đương nhiên được thừa kế quyền làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các chức danh quản lý tương ứng.
4. Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.
5. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Tổng công ty cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của Tổng công ty.
6. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng một số cổ phần, Tổng công ty sẽ ghi tăng/giảm vào sổ chứng nhận sở hữu cổ phần và xác nhận số cổ phần sở hữu sau chuyển nhượng trên sổ chứng nhận sở hữu cổ phần của cổ đông.
7. Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông của Tổng công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 2 Điều 8 của Điều lệ này được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.

8. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Mua cổ phần, trái phiếu

Cổ phần, trái phiếu của Tổng công ty có thể được mua bằng Đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật và phải được thanh toán đủ một lần.

Điều 15. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

1. Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại Tổng công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Tổng công ty có quyền yêu cầu Tổng công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Tổng công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Tổng công ty trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.
2. Tổng công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Tổng công ty trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Tổng công ty giới thiệu ít nhất ba (03) tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 16. Mua lại cổ phần theo quyết định của Tổng công ty

Tổng công ty có quyền mua lại không quá ba mươi phần trăm (30%) tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;
2. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này. Đối với cổ phần loại khác, nếu Tổng công ty và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường;
3. Tổng công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Tổng công ty. Trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần

của Tổng công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của Tổng công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Tổng công ty.

Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi văn bản đồng ý bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được Tổng công ty trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày thông báo. Văn bản đồng ý bán cổ phần phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần đồng ý bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Tổng công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

Điều 17. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại

1. Tổng công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều 15 và điều 16 của Điều lệ này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Tổng công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.
2. Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Điều lệ này được coi là cổ phần chưa bán theo quy định tại khoản 4 Điều 112 của Luật doanh nghiệp. Tổng công ty phải làm thủ tục điều chỉnh giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần được Tổng công ty mua lại trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.
3. Tổng công ty sẽ ghi giảm vào sổ chứng nhận sở hữu cổ phần hoặc tiêu hủy ngay sau khi cổ phần được mua lại đã được thanh toán đủ.
4. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Tổng công ty giảm hơn mười phần trăm (10%) thì Tổng công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

Điều 18. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức

Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định tại khoản 1 Điều 17 của Điều lệ này hoặc trả cổ tức trái với quy định tại Điều 54 của Điều lệ này thì các cổ đông phải hoàn trả cho Tổng công ty số tiền, tài sản khác đã nhận; trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho Tổng công ty thì tất cả thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa

vụ tài sản khác của Tổng công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.

CHƯƠNG V

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 19. Cơ cấu tổ chức, quản lý và kiểm soát

1. Cơ cấu tổ chức quản lý của Tổng công ty bao gồm:
 - 1.1. Đại hội đồng cổ đông;
 - 1.2. Ban kiểm soát;
 - 1.3. Hội đồng quản trị;
 - 1.4. Tổng giám đốc Tổng công ty và bộ máy giúp việc.
2. Tổ chức hoạt động:
 - 2.1. Cơ quan quyết định cao nhất của Tổng công ty là Đại hội đồng cổ đông.
 - 2.2. Đại hội đồng cổ đông bầu Hội đồng quản trị lãnh đạo Tổng công ty, bầu Ban kiểm soát.
 - 2.3. Điều hành hoạt động của Tổng công ty là Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm. Tổng giám đốc hoạt động theo khuôn khổ Điều lệ Tổng công ty và tuân thủ pháp luật.

CHƯƠNG VI

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 20. Quyền hạn của cổ đông

1. Cổ đông của Tổng công ty là những tổ chức, cá nhân có đầy đủ năng lực hành vi, năng lực pháp luật, sở hữu một hoặc nhiều cổ phần của Tổng công ty và được đăng ký danh sách trong Sổ đăng ký cổ đông của Tổng công ty. Cổ đông được công nhận chính thức sau khi đã đóng đủ tiền mua cổ phần được ghi tên vào Sổ đăng ký cổ đông của Tổng công ty lưu giữ tại Tổng công ty. Cổ đông là những người chủ sở hữu của Tổng công ty có các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu.
2. Cổ đông là pháp nhân: Người đại diện phần vốn của một pháp nhân tại Tổng công ty là Người đại diện theo pháp luật của pháp nhân đó. Người đại diện phần vốn có thể ủy quyền cho một người khác làm đại diện cho pháp nhân đó tại Tổng công ty. Trường hợp cổ đông là pháp nhân có sự thay đổi về tổ chức như sáp nhập, chia tách, hợp nhất thì pháp nhân được kế thừa quyền và nghĩa vụ của pháp nhân đã được tổ chức lại sẽ được coi là cổ đông của Tổng công ty. Trong trường hợp này, cổ đông là pháp nhân mới phải gửi đến Tổng công ty các văn bản pháp lý về việc tổ chức lại.
3. Cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông của Tổng công ty có các quyền sau:


22/68

- 3.1. Tham dự, phát biểu tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc hình thức khác theo Điều lệ này. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
- 3.2. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- 3.3. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
- 3.4. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
- 3.5. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
- 3.6. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng công ty, Sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- 3.7. Trường hợp Tổng công ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Tổng công ty sau khi Tổng công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông loại khác theo quy định của pháp luật;
- 3.8. Yêu cầu Tổng công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại khoản 1 điều 15 Điều lệ này;
- 3.9. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền sau đây:
 - 4.1. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường khi hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.
Trong trường hợp này, Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Tổng công ty phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường chậm nhất là ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhóm cổ đông yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường;
 - 4.2. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết.



- 4.3. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty;
- 4.4. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.
5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo quy định tại các khoản 3 Điều 34 và khoản 4 Điều 45 Điều lệ này.
6. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 4 Điều này khi thực hiện các quyền quy định tại điểm 4.2, 4.3 phải lập yêu cầu bằng văn bản bao gồm các nội dung sau: họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra hoặc mục đích xem xét, tra cứu, trích lục.

Điều 21. Nghĩa vụ của các Cổ đông

1. Tuân thủ Điều lệ Tổng công ty và các quy chế của Tổng công ty, chấp hành nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Hội đồng quản trị;
2. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua;
3. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần. Đối với chứng khoán chưa lưu ký, khi có thay đổi liên quan đến thông tin, cổ đông chủ động liên hệ với Tổng công ty để cập nhật hồ sơ làm căn cứ đảm bảo quyền lợi của cổ đông;
4. Chịu trách nhiệm về số lỗ, nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Tổng công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Tổng công ty;
5. Bảo mật các thông tin được Tổng công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Tổng công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác;
6. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Tổng công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Tổng công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì thành viên Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tổng công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút;
7. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo các quy định Điều lệ này và của pháp luật;

8. Cổ đông phổ thông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Tổng công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau:
 - Vi phạm pháp luật;
 - Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Tổng công ty.
9. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - 9.1. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - 9.2. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - 9.3. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác (nếu có).
 - 9.4. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử đảm bảo Tổng công ty nhận được trước thời gian khai mạc đại hội.

Điều 22. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Tổng công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 28 của Điều lệ này.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên mỗi năm họp một (01) lần do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề được luật pháp và Điều lệ này quy định. Đặc biệt, các Cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Tổng công ty và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát phải tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để trả lời các câu hỏi của cổ đông tại cuộc họp (nếu có); trường hợp bất khả kháng không tham dự được, thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát phải báo cáo bằng văn bản với Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Tổng công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Tổng công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.

3. Khi phát sinh những vấn đề bất thường ảnh hưởng đến tổ chức và hoạt động của Tổng công ty, Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - 3.1. Theo yêu cầu của Chủ tịch hội đồng quản trị hoặc hai phần ba (2/3) số thành viên Hội đồng quản trị khi Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty; việc triệu tập là cần thiết nếu các kiểm toán viên độc lập thấy rằng cuộc họp là quan trọng để thảo luận về báo cáo kiểm toán hoặc về tình hình tài chính của Tổng công ty và Hội đồng quản trị cũng nhận thấy như vậy;
 - 3.2. Ban kiểm soát yêu cầu khi có lý do chắc chắn rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc bộ máy quản lý vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
 - 3.3. Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - 3.4. Cổ đông hoặc một nhóm cổ đông quy định tại khoản 4 Điều 20 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội bằng một văn bản kiến nghị nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan).
4. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường.
 - 4.1. Hội đồng quản trị phải triệu tập một cuộc họp cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu nêu tại mục 3.2 khoản 3 Điều này hoặc mục 3.4 khoản 3 Điều này hoặc ngày phát hiện các trường hợp phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường nêu tại khoản 3 Điều này.
 - 4.2. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn nêu trên thì trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn triệu tập nêu tại mục 4.1 khoản 4 Điều này thì Ban kiểm soát sẽ phải triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - 4.3. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn nêu tại mục 4.2 khoản 4 Điều này, thì trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn triệu tập của Ban kiểm soát, Cổ đông hoặc một nhóm các cổ đông có yêu cầu tại mục 3.4 khoản 3 Điều này có thể triệu tập cuộc họp các cổ đông.
 - 4.4. Tất cả các chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ do Tổng công ty trả. Chi phí này không bao gồm những chi phí do Cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 23. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông:

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:
 - 1.1. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng công ty;
 - 1.2. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán hằng năm;
 - 1.3. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - 1.4. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Tổng công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc; tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát;
 - 1.5. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - 1.6. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.
2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - 2.1. Thông qua định hướng phát triển của Tổng công ty từ 05 năm trở lên;
 - 2.2. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm theo chứng quyền, quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - 2.3. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
 - 2.4. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;
 - 2.5. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty;
 - 2.6. Thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán hằng năm;
 - 2.7. Quyết định mua lại trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - 2.8. Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại nghiêm trọng cho Tổng công ty và cổ đông Tổng công ty khi có bằng chứng xác thực.
 - 2.9. Quyết định tổ chức lại Tổng công ty: Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp.
 - 2.10. Quyết định giải thể Tổng công ty;
 - 2.11. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - 2.12. Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - 2.13. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;

- 2.14. Chấp thuận các hợp đồng và giao dịch theo quy định tại Khoản 3 Điều 43 của Điều lệ này.
- 2.15. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và Luật doanh nghiệp.
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
 - 3.1. Các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - 3.2. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó.
4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 24. Các đại diện được ủy quyền

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 9 Điều 21 Điều lệ này. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.
2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự hoặc theo mẫu của Tổng công ty gửi kèm thông báo mời họp. Văn bản ủy quyền phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Việc cử người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức được thực hiện theo quy định tại Điều 14 của Luật doanh nghiệp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.
3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
 - 3.1. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - 3.2. Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - 3.3. Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Tổng công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện nêu trên bốn mươi tám (48) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 25. Thay đổi các quyền

1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông (trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 23 Điều lệ này liên quan đến vốn cổ phần của Tổng công ty được chia thành các loại cổ phần khác nhau) về việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại cổ phần sẽ chỉ được thông qua khi có sự nhất trí bằng văn bản của những người nắm giữ ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) quyền biểu quyết của cổ phần đã phát hành loại đó.
2. Việc tổ chức một cuộc họp như trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và mỗi người khi bỏ phiếu kín đều có một lá phiếu cho mỗi cổ phần sở hữu thuộc loại đó.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 27 và Điều 29 Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Tổng công ty sẽ không bị thay đổi khi Tổng công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 26. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông trừ các trường hợp quy định tại mục 4.2, mục 4.3 khoản 4 Điều 22 Điều lệ này.
2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - 2.1. Chuẩn bị danh sách các cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Tổng công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải ghi rõ họ tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Tổng công ty phải công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.

- 2.2. Xác định thời gian, địa điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông.
- 2.3. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.
- 2.4. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội.
- 2.5. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội.
- 2.6. Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp.
- 2.7. Các công việc khác phục vụ đại hội.
3. Thông báo mời họp phải được gửi đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Thông báo về Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện tới địa chỉ đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán.

Trong trường hợp cổ đông là người làm việc trong Tổng công ty thì thông báo có thể gửi tận tay họ hoặc thông báo trên loa đài tại nơi làm việc. Nếu cổ đông đã thông báo cho Tổng công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử thì thông báo họp có thể sẽ được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó.

Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu:

- Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
- Phiếu biểu quyết.
- Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát.

Các tài liệu này sẽ được gửi tới các cổ đông dưới hình thức đăng tải lên trang thông tin điện tử của Tổng công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu. Tổng công ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại khoản 4 Điều 20 của Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Tổng công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước khi bắt đầu họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần người đó nắm giữ và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối những kiến nghị liên quan đến khoản 4 Điều này nếu:
 - 5.1. Kiến nghị không được gửi đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

- 5.2. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ từ năm phần trăm (5%) cổ phần phổ thông trở lên.
- 5.3. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này thì chậm nhất là hai (02) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.
6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
7. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

Điều 27. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội đồng cổ đông (lần triệu tập thứ nhất), Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại (lần thứ hai) chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho từ ba mươi ba phần trăm (33%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội đồng cổ đông (lần triệu tập thứ hai), Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai, và trong trường hợp này Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.
4. Thời điểm ấn định phải khai mạc Đại hội đồng cổ đông được quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này có thể được chủ tọa thay đổi nếu xét thấy cần thiết nhưng không quá sáu mươi (60) phút kể từ thời điểm ấn định thời gian khai mạc đại hội.
5. Theo đề nghị Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Điều lệ này.

Điều 28. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp phải tiến hành đăng ký cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Việc bầu Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
 - 2.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - 2.2. Trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - 2.3. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
 - 2.4. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;
3. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
4. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp;
5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành theo quy chế tổ chức đại hội đồng cổ đông. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp;
6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi;
7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có các quyền sau đây:
 - 7.1. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
 - 7.2. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:
 - 8.1. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - 8.2. Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - 8.3. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.Thời gian hoãn tối đa không quá ba (03) ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc;
9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
10. Tổng công ty có thể tổ chức Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức hội nghị trực tuyến hoặc kết hợp giữa hình thức hội nghị trực tuyến với hội nghị trực tiếp. Thẩm quyền, điều kiện, cách thức tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo các hình thức này được quy định cụ thể trong Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 29. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông:
 - 1.1. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
 - 1.2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:
 - Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ Tổng công ty;
 - Định hướng phát triển Tổng công ty;
 - Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;
 - Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty.
 - 1.3. Ngoài các vấn đề quy định tại mục 1.2 khoản 1 Điều này, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông có thể thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua:

- 2.1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các mục 2.3, 2.4 và 2.6 khoản 2 Điều này:
 - 2.1.1. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - 2.1.2. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - 2.1.3. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng công ty;
 - 2.1.4. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty,
 - 2.1.5. Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty;
 - 2.1.6. Thay đổi tên, logo của Tổng công ty.
 - 2.1.7. Thay đổi thời gian hoạt động của Tổng công ty.
- 2.2. Các nghị quyết khác ngoài các nội dung quy định tại mục 2.1 khoản 2 Điều này được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 2.1, 2.3, 2.4 và 2.6 Điều này.
- 2.3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Tổng công ty.
- 2.4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.
- 2.5. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua dưới hình thức đăng tải lên trang thông tin điện tử của Tổng công ty hoặc một thời gian khác phù hợp với quy định của pháp

luật hiện hành, việc gửi nghị quyết có thể được thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Tổng công ty.

- 2.6. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 30. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty trừ trường hợp quy định tại mục 1.2 khoản 1 Điều 29 Điều lệ này.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - 3.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - 3.2. Mục đích lấy ý kiến;
 - 3.3. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - 3.4. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - 3.5. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - 3.6. Thời hạn phải gửi về Tổng công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - 3.7. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Tổng công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
 - 4.1. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo

pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

- 4.2. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
- 4.3. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Tổng công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - 5.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - 5.2. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - 5.3. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - 5.4. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - 5.5. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - 5.6. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;
6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty;
8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 31. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, tiếng Anh và các nội dung chủ yếu sau đây:
 - 1.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - 1.2. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - 1.3. Chương trình và nội dung cuộc họp;
 - 1.4. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - 1.5. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
 - 1.6. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - 1.7. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - 1.8. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - 1.9. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.
3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

Điều 32. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 4 Điều 20 của Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết

hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 33 của Điều lệ này
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Tổng công ty.

Điều 33. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.
2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng một trăm phần trăm (100%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.
3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 32 của Điều lệ này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

CHƯƠNG VII

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 34. Thành phần và nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

2. Cơ cấu Hội đồng quản trị của Tổng công ty phải đảm bảo có ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị.

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ số cổ phần có quyền biểu quyết: từ mười phần trăm (10%) đến dưới hai mươi phần trăm (20%) được đề cử một (01) thành viên; từ hai mươi phần trăm (20%) đến dưới bốn mươi phần trăm (40%) được đề cử hai (02) thành viên; từ bốn mươi phần trăm (40%) đến dưới sáu mươi lăm phần trăm (65%) được đề cử ba (03) thành viên và nếu từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) trở lên được đề cử bốn (04) thành viên.

4. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
5. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị:
 - 5.1. Có đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp.
 - 5.2. Thành viên Hội đồng quản trị chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 (năm) công ty khác.
6. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - 6.1. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 5 Điều này.
 - 6.2. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
7. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ bị Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm trong trường hợp không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
8. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 6 và khoản 7 Điều này.
9. Trừ trường hợp quy định tại mục 3.3 khoản 3 Điều 22 của Điều lệ này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.
10. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
11. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Tổng công ty.

Điều 35. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - 2.1. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng công ty;
 - 2.2. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - 2.3. Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

- 2.4. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Tổng công ty;
- 2.5. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Điều 16 của Điều lệ này.
- 2.6. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty.
- 2.7. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- 2.8. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm 2.4 khoản 2 Điều 23, khoản 3 Điều 43 của Điều lệ này;
Riêng các hợp đồng vay sẽ được thực hiện theo phân cấp được quy định tại Quy chế Quản lý tài chính của Tổng công ty.
- 2.9. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người điều hành khác; quyết định, tiền lương và quyền lợi khác của những người điều hành đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- 2.10. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người điều hành khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty;
- 2.11. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- 2.12. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- 2.13. Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
- 2.14. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- 2.15. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản Tổng công ty;
- 2.16. Giải quyết các khiếu nại của Tổng công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Tổng công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;
- 2.17. Xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty.
- 2.18. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- 2.19. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông.
- 2.20. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của Tổng công ty.
- 2.21. Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến công ty.
- 2.22. Đảm bảo hoạt động của Tổng công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Tổng công ty.
- 2.23. Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản Tổng công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan.
- 2.24. Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty.
- 2.25. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Tổng công ty.
- 2.26. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
3. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Tổng công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

- 3.1. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều này và trừ trường hợp quy định tại khoản 2.4 Điều 23, khoản 3 Điều 43 của Điều lệ này phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Tổng công ty;
- 3.2. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Tổng công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Tổng công ty;
- 3.3. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Tổng công ty với mức giá trị được quy định cụ thể tại các Quy chế do Hội đồng quản trị ban hành phù hợp với thẩm quyền.
- 3.4. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
- 3.5. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
- 3.6. Việc định giá tài sản góp vào Tổng công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Tổng công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
- 3.7. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Tổng công ty;

- 3.8. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.
4. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên;
5. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
6. Thành viên hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
7. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình.
8. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Tổng công ty gây thiệt hại cho Tổng công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết đó và phải đền bù thiệt hại cho Tổng công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Tổng công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.
9. Thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của họ khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Tổng công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và Tổng công ty, đồng thời phải công bố thông tin về các giao dịch này theo quy định của pháp luật chứng khoán.

Điều 36. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị lựa chọn trong số các thành viên của mình để bầu ra một Chủ tịch và nếu thấy cần thiết thì bầu thêm một Phó chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc của Tổng công ty.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
 - 2.1. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - 2.2. Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - 2.3. Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị;
 - 2.4. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;
 - 2.5. Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông;
 - 2.6. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp được Chủ tịch uỷ quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp nêu trên nếu Chủ tịch không chỉ định Phó Chủ tịch hành động như vậy thì các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị sẽ chỉ định Phó Chủ tịch. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.
4. Chủ tịch hội đồng quản trị muốn từ chức phải có đơn gửi đến Hội đồng quản trị. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn, Hội đồng quản trị phải ra quyết định về vấn đề này. Khi Chủ tịch hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn vì bất kỳ lý do nào thì Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày có quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế chậm nhất trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày có quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 37. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch hội đồng quản trị thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch hội đồng quản trị và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Các cuộc họp thường kỳ: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, địa điểm và thời gian họp ít nhất bảy (07) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.
3. Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:
 - 3.1. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) cán bộ quản lý;
 - 3.2. Hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
 - 3.3. Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại khoản 3 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở khoản 3 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.
5. Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở trụ sở chính của Tổng công ty hoặc ở nơi khác.
6. Thông báo và chương trình họp: Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất ba (03) ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và phiếu biểu quyết của các thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác nhưng bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Tổng công ty.

Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết
7. Số thành viên tham dự tối thiểu: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

- 7.1. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - 7.1.1. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - 7.1.2. Ủy quyền cho người khác đến dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận;
 - 7.1.3. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - 7.1.4. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
- 7.2. Trường hợp cuộc họp Hội đồng quản trị được triệu tập theo quy định tại Điều này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
8. Biểu quyết:
 - 8.1. Trừ quy định tại Khoản 8.2 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;
 - 8.2. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Tổng công ty. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
 - 8.3. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị vắng mặt có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
9. Biểu quyết đa số: Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
10. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác: Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
 - 10.1. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - 10.2. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

11. Các nghị quyết của Hội đồng quản trị phải được lưu giữ tại trụ sở Tổng công ty trong thời gian mười (10) năm kể từ ngày tổ chức cuộc họp.
12. Biên bản họp Hội đồng quản trị:
 - 12.1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - Thời gian, địa điểm họp;
 - Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - Họ, tên, chữ ký của Chủ tọa và người ghi biên bản trừ trường hợp quy định tại khoản 12.2 Điều này.
 - 12.2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại mục 12.1 Điều này (trừ nội dung về họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản) thì biên bản này có hiệu lực.

Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản

chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và pháp luật có liên quan.

- 12.3. Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
- 12.4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.
- 12.5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.
13. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng phải tuân thủ các quy định sau:
 - 13.1. Phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban.
 - 13.2. Nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 38. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Tổng công ty phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người phụ trách quản trị Tổng công ty để hỗ trợ công tác quản trị Tổng công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Tổng công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.
2. Người phụ trách quản trị Tổng công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty.
3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - 3.1. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Tổng công ty và cổ đông;
 - 3.2. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - 3.3. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - 3.4. Tham dự các cuộc họp;

- 3.5. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- 3.6. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- 3.7. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Tổng Công ty;
- 3.8. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- 3.9. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty;
- 3.10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

CHƯƠNG VIII

TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ THƯ KÝ TỔNG CÔNG TY

Điều 39. Tổ chức bộ máy quản lý

1. Tổng công ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý, theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị.
Tổng công ty có một Tổng giám đốc, một số Phó Tổng giám đốc, Giám đốc điều hành và một Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc, Giám đốc điều hành có thể đồng thời cùng là thành viên Hội đồng quản trị.
Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Tổng Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Tổng Công ty do Hội đồng quản trị quy định tùy từng thời điểm. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Tổng Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định. Tiền lương và các chế độ của những người điều hành khác do Hội đồng quản trị phê duyệt trên cơ sở đề xuất của Tổng giám đốc.
Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 40. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Bổ nhiệm Tổng giám đốc: Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc phải được báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Tổng công ty.
2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là năm (05) năm; có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.
3. Tiêu chuẩn lựa chọn Tổng giám đốc: Tổng giám đốc Tổng công ty phải có đủ các tiêu chuẩn sau đây:
 - 3.1. Đã tốt nghiệp đại học;
 - 3.2. Có năng lực quản lý điều hành doanh nghiệp;
 - 3.3. Có kinh nghiệm và kiến thức kinh doanh trong lĩnh vực ngành, nghề đăng ký kinh doanh của Tổng công ty;
 - 3.4. Không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo qui định của Luật doanh nghiệp.
 - 3.5. Không thuộc đối tượng quy định tại điểm b, khoản 5 Điều 162 Luật doanh nghiệp.
4. Quyền hạn và nghĩa vụ của Tổng giám đốc:
 - 4.1. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, bao gồm việc đại diện Tổng công ty ký kết các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông quy định tại Điều 167 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
 - 4.2. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - 4.3. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Tổng công ty;
 - 4.4. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty;
 - 4.5. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Tổng công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định.

Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Tổng công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - 4.6. Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong Tổng công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
 - 4.7. Tuyển dụng lao động;

- 4.8. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- 4.9. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Tổng công ty;
- 4.10. Vào quý 4 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
- 4.11. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Tổng công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Tổng công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình đề Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Tổng công ty;
- 4.12. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
- 4.13. Trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn của mình, Tổng giám đốc có thể ủy quyền cho cá nhân và/hoặc tổ chức khác phù hợp quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm về việc ủy quyền.
5. Báo cáo Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông: Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.
6. Bãi nhiệm: Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc khi có từ hai phần ba (2/3) thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng giám đốc nếu Tổng giám đốc là thành viên của Hội đồng quản trị) và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế. Tổng giám đốc bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo gần nhất.
7. Miễn nhiệm: Tổng giám đốc đương nhiệm bị miễn nhiệm khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
 - 7.1. Chết, mất trí, mất quyền công dân;
 - 7.2. Từ bỏ nhiệm sở hoặc không thực hiện nhiệm vụ của Tổng giám đốc trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - 7.3. Thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 17 hoặc điểm b, khoản 5 Điều 162 Luật doanh nghiệp.Trong trường hợp này, Hội đồng quản trị phải tiến hành các thủ tục bổ nhiệm Tổng giám đốc mới trong thời hạn tối đa bốn mươi lăm (45) ngày.
8. Từ nhiệm: Tổng giám đốc muốn từ nhiệm phải có đơn gửi Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị xem xét và quyết định trong thời gian bốn mươi lăm (45) ngày kể từ ngày nhận được đơn.

Điều 41. Thư ký Tổng công ty

Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một hoặc nhiều Thư ký Tổng công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm một Thư ký Tổng công ty vào bất kỳ thời điểm nào nhưng không trái với các quy định pháp luật về lao động hiện hành. Có thể cử hai hay nhiều người cùng làm Thư ký Tổng công ty. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý thư ký Tổng công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Tổng công ty bao gồm:

1. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
2. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
3. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
4. Hỗ trợ Tổng công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
5. Thư ký Tổng công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

CHƯƠNG IX**TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐIỀU HÀNH, QUYỀN KHỞI KIẾN ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC****Điều 42. Trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành Tổng công ty:**

1. Trách nhiệm cẩn trọng
Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Tổng công ty.
2. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi
 - 2.1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.
 - 2.2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Tổng công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

- 2.3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Tổng công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.
- 2.4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Tổng công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.
- 2.5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Tổng công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:
- 2.5.1. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng [hai mươi phần trăm (20%)] tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;
- 2.5.2. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn [hai mươi phần trăm (20%)] tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;
- 2.5.3. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Tổng công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không

được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Tổng công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

3. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường
 - 3.1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
 - 3.2. Tổng công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Tổng công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Tổng công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Tổng công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Tổng công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Tổng công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.
 - 3.3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Tổng công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Tổng công ty được Tổng công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Tổng công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:
 - 3.3.1. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Tổng công ty;
 - 3.3.2. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.
 - 3.4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Tổng công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

Điều 43. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận.

1. Hợp đồng, giao dịch giữa Tổng công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:

- 1.1. Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông của Tổng công ty và những người có liên quan của họ;
- 1.2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người có liên quan của họ;
- 1.3. Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Tổng công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp.
2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch theo quy định khoản 1 Điều này và có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của Tổng công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện Tổng công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo, thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.
3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận hợp đồng, giao dịch sau đây:
 - 3.1. Hợp đồng, giao dịch khác ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 2 Điều này;
 - 3.2. Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ năm mươi một phần trăm (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.
 - 3.3. Đối với các hợp đồng quy định tại mục 3.1 và 3.2 Khoản này, người đại diện Tổng công ty ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành, trừ trường hợp Điều lệ Tổng công ty quy định khác.
4. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng với quy định tại Điều này; người ký kết hợp đồng, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Tổng công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

Điều 44. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.

1. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất một phần trăm (01%) tổng số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh Tổng công ty khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho Tổng công ty hoặc người khác trong trường hợp sau đây:
 - 1.1. Vi phạm nghĩa vụ của cán bộ quản lý công ty theo quy định tại Điều 42 của Điều lệ này;
 - 1.2. Không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được giao; không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, không kịp thời nghị quyết của Hội đồng quản trị;
 - 1.3. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao trái với quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty hoặc nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - 1.4. Sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Tổng công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - 1.5. Sử dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Tổng công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - 1.6. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.
2. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện tương ứng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh Tổng công ty sẽ tính vào chi phí của Tổng công ty, trừ trường hợp thành viên khởi kiện bị bác yêu cầu khởi kiện.
3. Cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại Điều này có quyền xem xét, tra cứu, trích lục thông tin cần thiết theo quyết định của Tòa án, Trọng tài trước hoặc trong quá trình khởi kiện.

CHƯƠNG X

BAN KIỂM SOÁT

Điều 45. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát của Tổng công ty có ba (03) thành viên (kiểm soát viên).
2. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số Kiểm soát viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
3. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

4. Các cổ đông, nhóm cổ đông nắm giữ từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ số cổ phần có quyền biểu quyết: từ mười phần trăm (10%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) được đề cử một (01) thành viên; từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) được đề cử hai (02) thành viên; từ năm mươi phần trăm (50%) trở lên được đề cử ba (03) thành viên.

Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

5. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
6. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai (02) người. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.
7. Tiền lương và quyền lợi khác của Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định sau đây:
- 7.1. Kiểm soát viên được trả tiền lương hoặc thù lao, thưởng và được hưởng các quyền lợi khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát;
- 7.2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;
- 7.3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty.

Điều 46. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên:

Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;
2. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;
3. Không được giữ các chức vụ quản lý Tổng công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Tổng công ty;
4. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
5. Không thuộc các trường hợp sau:
 - 5.1. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
 - 5.2. Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty trong 03 năm liền trước đó.
6. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 47. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát:

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu (06) tháng của Tổng công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Tổng công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Tổng công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 4 Điều 20 của Điều lệ này.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 4 Điều 20 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn

đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn, ảnh hưởng đến việc điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.
8. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tổng công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
9. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Tổng công ty.
10. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Tổng công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.
11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
12. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng công ty, miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
13. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tổng công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của Tổng công ty, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong thời hạn bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
14. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
15. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
16. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
17. Giám sát tình hình tài chính Tổng công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;
18. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ Tổng công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Luật doanh nghiệp.

19. Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
 - 19.1. Phân công nhiệm vụ và kiểm tra việc thực hiện của các Kiểm soát viên.
 - 19.2. Xây dựng kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát.
 - 19.3. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát.
 - 19.4. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát, có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.
 - 19.5. Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm điểm của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 48. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát:

1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.
2. Các nghị quyết và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị.
3. Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Tổng công ty phát hành được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.
4. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Tổng công ty lưu giữ tại trụ sở đăng ký, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của cán bộ quản lý và nhân viên của Tổng công ty trong giờ làm việc.
5. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tổng công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.

Điều 49. Trách nhiệm của Kiểm soát viên

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Tổng công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Tổng công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Tổng công ty, địa vị, chức vụ và tài sản của Tổng công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và Luật doanh nghiệp
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 của Điều này mà gây thiệt hại cho Tổng công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm

cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được phải hoàn trả cho Tổng công ty.

6. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 50. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên.

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:
 - 1.1. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 46 của Điều lệ này;
 - 1.2. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - 1.3. Các trường hợp khác do Điều lệ Tổng công ty quy định.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:
 - 2.1. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - 2.2. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Điều lệ này và Luật doanh nghiệp;
 - 2.3. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - 2.4. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

CHƯƠNG XI

QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TỔNG CÔNG TY

Điều 51. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong khoản 4 Điều 20 của Điều lệ này có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tổng Công ty.
3. Việc thực hiện quyền của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 1, khoản 2 điều này có thể thực hiện trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được ủy quyền. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và

nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

Cổ đông, nhóm cổ đông, người đại diện ủy quyền phải gửi văn bản yêu cầu nêu rõ nội dung kiểm tra. Việc kiểm tra được thực hiện tại trụ sở chính của Tổng công ty.

4. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và Người quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Tổng công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Tổng công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
5. Tổng công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
6. Điều lệ Tổng công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty.

CHƯƠNG XII

TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI KHÁC

Điều 52. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội trong doanh nghiệp

1. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội trong Tổng công ty hoạt động theo quy định của Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.
2. Tổng công ty có nghĩa vụ tôn trọng và không được cản trở, gây khó khăn cho việc thành lập tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội tại Tổng công ty; không được cản trở, gây khó khăn cho người lao động tham gia hoạt động trong các tổ chức này.
3. Khi thành lập các tổ chức chính trị - xã hội phải thực hiện theo quy định của Tổng công ty.

CHƯƠNG XIII

PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 53. Trích lập các quỹ

1. Lợi nhuận sau thuế hàng năm sau khi trừ đi các khoản hợp lý, Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông trích lập các quỹ như sau:
 - 1.1. Quỹ đầu tư và phát triển;
 - 1.2. Quỹ khen thưởng, phúc lợi;

- 1.3. Quỹ khen thưởng theo hiệu quả kinh doanh cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành.
2. Tùy theo nhu cầu đầu tư phát triển của Tổng công ty trong từng thời kỳ, mức trích cụ thể các quỹ tại khoản 1 Điều này sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định trên cơ sở đề xuất của Hội đồng quản trị.

Điều 54. Cổ tức

1. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Tổng công ty. Tổng công ty chỉ được trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi có đủ các điều kiện sau đây:
 - 1.1. Tổng công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;
 - 1.2. Đã trích lập các quỹ Tổng công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty;
 - 1.3. Ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Tổng công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.
2. Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Tổng công ty.
3. Tổng công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
4. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, cổ phần của Tổng công ty hoặc bằng tài sản khác do Hội đồng quản trị đề xuất.
5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Tổng công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam theo các phương thức thanh toán theo quy định của pháp luật. Cổ tức có thể được thanh toán bằng chuyển khoản qua ngân hàng khi Tổng công ty đã có đủ chi tiết về ngân hàng của cổ đông để có thể chuyển trực tiếp được vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Nếu Tổng công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng như thông báo của cổ đông thì Tổng công ty không chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ việc chuyển khoản đó. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.
6. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức. Trường hợp này Tổng công ty không phải làm thủ tục chào

bán cổ phần theo quy định tại Điều 9 và Điều 10 của Điều lệ này. Tổng công ty phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.

7. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác nhận một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông theo quy định của pháp luật để lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất ba mươi (30) ngày trước mỗi lần trả cổ tức.

Thông báo về trả cổ tức được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua theo phương thức bảo đảm tới địa chỉ đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty chậm nhất mười lăm (15) ngày trước khi thực hiện trả cổ tức.

Trong trường hợp cổ đông là người làm việc trong Tổng công ty thì thông báo có thể gửi tận tay họ hoặc thông báo trên loa đài tại nơi làm việc. Nếu cổ đông đã thông báo cho Tổng công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử thì thông báo có thể sẽ được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó.

Điều 55. Tài khoản ngân hàng

1. Tổng công ty sẽ mở tài khoản tại các Ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, Tổng công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật, nếu cần thiết.
3. Tổng công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Tổng công ty mở tài khoản.

Điều 56. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng một (01) dương lịch hàng năm và kết thúc vào ngày thứ ba mươi mốt (31) của tháng mười hai dương lịch cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp giấy phép kinh doanh và kết thúc vào ngày thứ ba mươi mốt (31) của tháng mười hai của năm đó.

Điều 57. Hệ thống Kế toán

1. Hệ thống kế toán Tổng công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc bất kỳ hệ thống kế toán nào khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Tổng công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Tổng công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Tổng công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Tổng công ty.
3. Tổng công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

CHƯƠNG XIV

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 58. Các báo cáo.

1. Tổng công ty lập báo cáo tài chính định kỳ và hàng năm theo quy định của pháp luật hiện hành về kế toán và thống kê.
2. Khi niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, Tổng công ty có nghĩa vụ nộp hoặc công bố những báo cáo này cho những cơ quan hoặc đối tượng theo quy định của pháp luật hiện hành về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Báo cáo tài chính hàng năm của Tổng công ty phải được kiểm toán và tùy theo quy định của pháp luật hiện hành trong từng trường hợp cụ thể, báo cáo tài chính của giai đoạn tài chính khác có thể phải được kiểm toán.
3. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Tổng giám đốc phải hoàn thành các báo cáo tài chính và trình Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát xem xét.
4. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát có trách nhiệm trình Đại hội đồng cổ đông các báo cáo và tài liệu sau đây:
 - 4.1. Báo cáo tình hình kinh doanh của Tổng công ty.
 - 4.2. Báo cáo tài chính.
 - 4.3. Báo cáo đánh giá công tác quản lý điều hành của Tổng công ty.
 - 4.4. Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế hoặc xử lý lỗ hoạt động kinh doanh, trích lập các quỹ, mức trả cổ tức.
 - 4.5. Các báo cáo và tài liệu khác nếu cần thiết.
5. Tổng công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
6. Tổng công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 59. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng

Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XV KIỂM TOÁN TỔNG CÔNG TY

Điều 60. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.
2. Tổng công ty chuẩn bị và gửi báo cáo kế toán hàng năm cho Công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc mỗi năm tài chính.
3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận về báo cáo tài chính hàng năm, lập báo cáo kiểm toán trong vòng chín mươi (90) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
4. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Tổng công ty.
5. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty.

CHƯƠNG XVI CON DẤU

Điều 61. Con dấu

1. Hội đồng quản trị sẽ thông qua một con dấu chính thức của Tổng công ty và con dấu được khắc theo quy định của pháp luật.
2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.
3. Tất cả các văn bản của Tổng công ty khi công bố chính thức phải được Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc ký và đóng dấu. Chữ ký và các chức danh khác trong Tổng công ty chỉ được sử dụng con dấu theo đúng Quy định về việc sử dụng con dấu do Hội đồng quản trị ban hành.

CHƯƠNG XVII CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 62. Chấm dứt hoạt động

1. Tổng công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

- 1.1. Bị Toà án tuyên bố Tổng công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
- 1.2. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- 1.3. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.
2. Việc giải thể Tổng công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định và quyết định này phải được thông báo đến cơ quan có thẩm quyền để thông báo hay chấp thuận nếu thủ tục chấp thuận này là bắt buộc.

Điều 63. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Tổng công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Tổng công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một Công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Tổng công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Tổng công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Tổng công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Tổng công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Tổng công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
 - 3.1. Các chi phí thanh lý;
 - 3.2. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - 3.3. Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Tổng công ty phải trả cho Nhà nước;
 - 3.4. Các khoản vay (nếu có);
 - 3.5. Các khoản nợ khác của Tổng công ty;
 - 3.6. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục 3.1 đến mục 3.5 khoản 3 Điều này sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XVIII

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 64. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Tổng công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:
 - 1.1. Cổ đông với Tổng công ty; hoặc
 - 1.2. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người quản lý thì các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Nếu tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Đại hội đồng cổ đông chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.
2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Toà án có thẩm quyền nơi Tổng công ty có trụ sở chính.
3. Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của toà án sẽ do Toà phán quyết bên nào phải chịu.

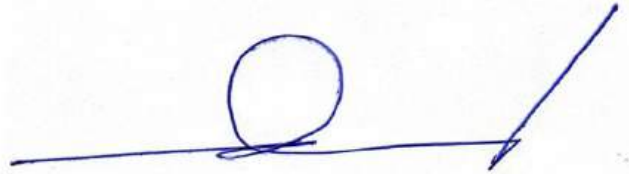
CHƯƠNG XIX

NGÀY HIỆU LỰC

Điều 65. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm XIX chương, 65 Điều, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 31/05/2025. Điều lệ Tổng công ty May 10 – CTCP sửa đổi bổ sung lần thứ 16 (hiệu lực từ ngày 09/10/2023) hết hiệu lực kể từ ngày Điều lệ này có hiệu lực thi hành.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Tổng công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Tổng công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Tổng công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Tổng công ty phải có chữ ký của Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty mới có giá trị.
5. Chữ ký người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty:

A handwritten signature in blue ink, consisting of a horizontal line, a large loop, and a diagonal stroke.A red circular stamp with some illegible text inside.A small handwritten signature in blue ink.